TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 110/2020/DS-PT
Ngày: 02/03/2020.
V/v "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Giảng.

Các Thẩm phán: 1/ Bà Huỳnh Thị Như Hà

2/ Bà Nguyễn Thị Thu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trương Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Đoàn Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 02/03/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/2012/TLPT-DS ngày 27 tháng 4 năm 2012 về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ".

Do Bản án sơ thẩm số 61/2012/DSST ngày 22/3/2012 của Tòa án nhân dân Quận Phú Nhuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6168/QĐXXPT-DS ngày 25/12/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim O.

Địa chỉ: 150/11A X, phường 12, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thái N.

Địa chỉ: 1B TQ, phường 8, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:

Năm 2004, bà Nguyễn Thị Kim O khởi kiện vợ chồng ông Phan Thế V và bà Nguyễn Quý T tại Tòa án nhân dân Quận 10 về việc yêu cầu giải quyết tranh chấp căn nhà E1 TS, cư xá BH. Bà Nguyễn Thị Kim O đã ký các văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Thái N làm đại diện tham gia tố tụng cho bà O với tư cách là nguyên đơn trong vụ án, theo các văn bản ủy quyền ngày 01-10-2003 và ngày 09-6-2004. Đến ngày 11/7/2005, bà O ký "Hợp đồng tham gia tố tụng" với ông Nguyễn Thái N, thỏa thuận mức thù lao là 23% tổng giá trị tài sản được tuyên trong bản án, bà O đã đưa trước 14 lượng vàng SJC và 30.000.000 đồng.

Sau này qua tìm hiểu, bà biết rằng tại thời điểm ký hợp đồng dịch vụ pháp lý ông N không phải là luật sư thực thụ, không có tư cách pháp nhân, không đủ điều kiện để ký kết các loại hợp đồng liên quan đến dịch vụ pháp lý, đồng thời các văn bản ủy quyền ghi nội dung không có thù lao nhưng theo điều khoản của hợp đồng tham gia tố tụng thì có mức thù lao thực hiện công việc ủy quyền là 23% như vậy giao dịch ủy quyền là giả tạo nên ngày 05/4/2010 bà O thông báo cho ông N về việc chấm dứt ủy quyền. Ngày 09/02/2011, bà O khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng tham gia tố tụng ngày 11/7/2005, buộc ông N trả 14 lượng vàng SJC và 30.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu bồi thường thiệt hại. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút lại đối với yêu cầu về bồi thường thiệt hại.

Bị đơn ông Nguyễn Thái N trình bày:

Ngày 01/10/2003, bà O có lập giấy ủy quyền cho ông tham gia tố tụng trong vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng mua bán nhà số E1 TS, Phường 15, Quận 10. Đến ngày 09/6/2004, bà O lập lại giấy ủy quyền cho ông N theo yêu cầu của Tòa án với cùng nội dung và đưa cho ông N số tiền 30.000.000 đồng theo phiếu thu ngày 12/6/2004 để tạm ứng án phí và ứng phí đại diện. Ngày 11/7/2005, hai bên lập hợp đồng tham gia tố tụng với thỏa thuận phí dịch vụ là 23% tổng giá trị tài sản được tuyên trong bản án đã có hiệu lực. Thời hạn thanh toán thỏa thuận là "*Trước khi mở phiên tòa sơ thẩm ứng 15 lượng vàng SJC, trước khi xét xử phúc thẩm ứng tiếp 10 lượng vàng SJC và số còn lại trả theo bản án tuyên có hiệu lực"*. Điều kiện thưởng phạt có thỏa thuận là *"Nếu bà O đơn phương chấm dứt hiệu lực của hợp đồng này dưới bất cứ hình thức nào thì vẫn phải trả đủ tiền phí dịch vụ nêu tại điều IV của hợp đồng này"*.

Kết quả Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2005/DSST ngày 14/12/2005 của TAND Quận 10 xử bà Oanh được bồi thường 150,48 lượng vàng SJC, và được trả lại tiền mua nhà 140 lượng vàng SJC. Đến ngày 05/4/2010, bà O gởi thông báo chấm dứt ủy quyền với những lý do nêu trên là không có căn cứ nên ông N phản tố yêu cầu bà O thanh toán đủ số tiền theo hợp đồng thỏa thuận trên tổng số 290,48 lượng vàng SJC x 23% = 66,7 lượng vàng SJC trừ 14 lượng vàng đã nhận, bà O phải thanh toán 52,7 lượng vàng SJC.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn tự nguyện chỉ yêu cầu bà O phải thanh toán 50%, trừ số đã nhận còn phải thanh toán là 19,4 lượng.

Bản án số 61/2012/DSST ngày 22/3/2012 của Tòa án nhân dân Quận Phú Nhuận quyết định:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 80; Điều 159 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 305; Điều 518, Điều 519, khoản 1 Điều 524, Điều 581 Bộ luật dân sự 2005;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim O

1.1. Buộc ông Nguyễn Thái N hoàn trả 21.925.000đ tiền tạm ứng cho bà Nguyễn Thị Kim O.

1.2. Đình chỉ việc yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Nguyễn Thị Kim O.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim O yêu cầu ông Nguyễn Thái N hoàn trả 14 lượng vàng SJC.

2/. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thái N

2.1 Buộc bà Nguyễn Thị Kim O phải thanh toán 33,4 lượng vàng SJC cho ông Nguyễn Thái N trong đó khấu trừ 14 lượng vàng SJC đã đưa, bà O thanh toán phần còn lại 19,4 lượng vàng SJC.

Thi hành một lần tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền sau khi án có hiệu lực pháp luật.

3/. Án phí dân sự sơ thẩm: án phí bà O phải chịu: 73.475.000đ (Bảy mươi ba triệu, bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng). Được khấu trừ 13.161.600đ theo biên lai số 00250 ngày 16/3/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

- Ông N phải chịu án phí 1.096.250đ được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 3.387.500đ theo biên lai số 00372 ngày 22/4/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Kim O có đơn thi hành án, ông Nguyễn Thái N chậm thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng ông Nguyễn Thái N còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngoài ra bản án còn tuyên về thủ tục thi hành án, về quyền kháng cáo.

Ngày 27/3/2012, nguyên đơn Nguyễn Thị Kim O có đơn kháng cáo nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng tham gia tố tụng ngày 11/7/2005 là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu buộc ông N phải hoàn trả toàn bộ số tiền, vàng đã nhận. Bởi lẽ, thời điểm ký hợp đồng ông N không phải là luật sư, không có tư cách pháp nhân và điều kiện để ký kết hợp đồng liên quan đến dịch vụ pháp lý.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, phân tích nhận định về nội dung vụ án và kháng cáo của đương sự, đã nhận xét và đề nghị như sau:

- Về tố tụng: Giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo qui định của pháp luật.

- Về nội dung kháng cáo: Về người đại diện theo ủy quyền, pháp luật không quy định phải là luật sư nên lý do nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng tham gia tố tụng do vô hiệu là không có căn cứ. Bị đơn đã tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm và một phần giai đoạn phúc thẩm của vụ án theo ủy quyền, đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự để sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn; không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, miễn án phí cho bị đơn vì thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo. Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm đã xác định đúng. Về người tham gia tố tụng trong vụ án, cấp sơ thẩm đã đưa tham gia đủ và tống đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Giao dịch dân sự có tranh chấp do các đương sự xác lập vào năm 2005, án sơ thẩm áp dụng quy định pháp luật của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết là đúng với quy định tại Nghị quyết số 45/2005/QH11 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật dân sự năm 2005.

[2] Theo "Đơn đề nghị" ngày 14-6-2012 của bà Nguyễn Thị Kim O về việc đề nghị Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án chờ kết quả điều tra giải quyết của cơ quan Công an; theo Quyết định tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 534/2012/QĐPT ngày 27-8-2012 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với lý do chờ kết quả giải quyết của vụ án khác có liên quan. Xét thấy cho đến nay cơ quan Công an không có quyết định khởi tố vụ án hình sự, bà Nguyễn Thị Kim O đã có Thông báo ngày 05-4-2010 về việc chấm dứt ủy quyền tham gia tố tụng đối với ông Nguyễn Thái N, như vậy hợp đồng ủy quyền giữa bà Nguyễn Thị Kim O với ông Nguyễn Thái N đã chấm dứt, kết quả giải quyết một vụ án dân sự sẽ không phải duy nhất bằng bản án mà còn có cả các hình thức quyết định khác, lý do tạm đình chỉ không còn nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại văn bản ngày 11-02-2020, nguyên đơn Nguyễn Thị Kim O yêu cầu trực tiếp tham gia tố tụng, đồng thời chấm dứt việc ủy quyền và không nhờ người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trong vụ án này.

[3] Theo nội dung đơn khởi kiện, nội dung yêu cầu phản tố và trình bày của các đương sự thể hiện: Bà Nguyễn Thị Kim O ký các văn bản ủy quyền ngày 01-10-2003 và ngày 09-6-2004 cho ông Nguyễn Thái N làm đại diện tham gia tố tụng cho bà O với tư cách là nguyên đơn trong vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán căn nhà số E1 TS, Cư xá BH, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, do Tòa án nhân dân Quận 10 thụ lý số

127/2004/TLST-DS ngày 09-6-2004. Các văn bản ủy quyền ngày 01-10-2003 và ngày 09-6-2004 là hợp pháp và thực tế ông Nguyễn Thái N đã thực hiện công việc được ủy quyền, tham gia tố tụng trong vụ án làm đại diện cho bà Nguyễn Thị Kim O theo văn bản ủy quyền ngày 09-6-2004.

[4] Ngày 11-7-2005, bà Nguyễn Thị Kim O cùng ông Nguyễn Thái N ký "Hợp đồng tham gia tố tụng" có nội dung thỏa thuận về trách nhiệm của mỗi bên, về khoản "phí dịch vụ", về phương thức thanh toán, điều kiện thưởng phạt. Nguyên đơn khởi kiện và kháng cáo yêu cầu hủy bỏ "Hợp đồng tham gia tố tụng" ngày 11-7-2005 vì vô hiệu, với lý do thời điểm ký hợp đồng ông N không phải là luật sư, không có tư cách pháp nhân và điều kiện để ký kết hợp đồng liên quan đến dịch vụ pháp lý.

Xét thấy: Thời điểm xác lập giao dịch, bị đơn không phải là luật sư mà là hội viên Hội luật gia Thành phố Hồ Chí Minh, dấu hình chữ nhật tại góc trên trang đầu của hợp đồng có dòng chữ "THAI NGUYÊN LAWYER" không là căn cứ để chứng minh sự lừa dối, bởi chữ Lawyer có nghĩa là Luật sư hoặc luật gia. Tại Văn bản số 40/CV-ĐLS ngày 06-9-2010 của Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước về việc giải quyết đơn tố cáo của bà Nguyễn Thị Kim O đối với ông Nguyễn Thái N đã kết luận: "việc Luật sư Nguyên đóng dấu chữ LAWYER tại thời điểm này có nghĩa là Luật gia".

[5] Hợp đồng tham gia tố tụng ngày 11-7-2005 thực chất là thỏa thuận giữa bà O với ông N về khoản "chi phí dịch vụ khoán gọn", như hai bên giao kết tại hợp đồng, để bị đơn thực hiện các công việc theo văn bản ủy quyền ngày 09-6-2004 của nguyên đơn. Đây là giao dịch dân sự do hai bên tự nguyện xác lập, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không có chứng cứ chứng minh có sự lừa dối hay giả tạo như quy định tại các Điều 128, 129, 132 Bộ luật dân sự. Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu hủy hợp đồng ngày 11-7-2005 do vô hiệu với lý do thời điểm ký hợp đồng ông N không phải là luật sư, không có tư cách pháp nhân và điều kiện để ký kết hợp đồng, là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Thực tế bị đơn đã thực hiện các công việc theo nội dung văn bản ủy quyền ngày 01-10-2003 và ngày 09-6-2004 của nguyên đơn. Phạm vi ủy quyền tại văn bản ủy quyền là *"để giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán căn nhà số E1 TS, Cư xá BH, Phường 15, Quận 10"*, *"được quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến tranh chấp nêu trên"*. Phạm vi nội dung đơn khởi kiện trong vụ án mà nguyên đơn ủy quyền cho bị đơn tham gia tại thời điểm xác lập việc ủy quyền cũng chỉ là tranh chấp đối với hợp đồng mua bán căn nhà số E1 TS, Cư xá BH, Phường 15, Quận 10. Tại Bản án phúc thẩm số 621/2010/SD-PT ngày 27-5-2010 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã nhận định: *"Phạm vi khởi kiện ban đầu của bà O không có các yêu cầu liên quan đến 2 khoản vàng 67 lượng và 20 lượng đứng tên ông S, bà K và ông D"*, *"không có chứng cứ chứng minh bà O hay ông N đã đóng tạm ứng án phí cho các yêu cầu này"*. Như vậy, bị đơn đã thực hiện công việc được ủy quyền trong phạm vi nội dung ủy quyền do người ủy quyền xác lập. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà O cung cấp bản án về các hợp

đồng vay, hợp đồng thuê nhà nêu trên, tuy nhiên như đã nhận định, văn bản ủy quyền của bà O thể hiện phạm vi nội dung ủy quyền để tham gia tố tụng đối với tranh chấp hợp đồng mua bán căn nhà số E1 TS, hoàn toàn không ủy quyền nội dung tranh chấp đối với các hợp đồng vay hay hợp đồng thuê nhà.

[7] Kết quả thực hiện công việc ủy quyền: Bị đơn thực hiện tham gia tố tụng theo ủy quyền của nguyên đơn, kết quả đã có Bản án sơ thẩm số 72/2005/DSST ngày 14-12-2005. Sau đó gần 5 năm, cho đến ngày 05-4-2010, nguyên đơn có thông báo về việc chấm dứt ủy quyền đối với bị đơn, đây là việc đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng của nguyên đơn. Kết quả giải quyết tại bản án phúc thẩm (số 621/2010/DSST ngày 27-5-2010 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) có sau thời điểm nguyên đơn chấm dứt ủy quyền với bị đơn.

[8] Tại "Hợp đồng tham gia tố tụng" ngày 11-7-2005, Điều V.3 quy định: *"nếu bên B đơn phương chấm dứt hiệu lực của hợp đồng này dưới bất cứ hình thức nào thì vẫn phải thanh toán đủ tiền dịch vụ phí như đã nêu tại Điều IV của hợp đồng này".* Xét đây là thỏa thuận tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Tại Điều IV của hợp đồng hai bên thỏa thuận khoán gọn khoản phí dịch vụ theo tỷ lệ trên giá trị tài sản được tuyên trong bản án đã có hiệu lực. Do nguyên đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng nên kết quả tiếp sau đó không còn phụ thuộc ý chí của bị đơn thực hiện công việc ủy quyền nữa, đồng thời hai bên đã cam kết về hậu quả khi đơn phương chấm dứt hợp đồng như đã nêu trên, vì vậy án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ.

[9] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chỉ yêu cầu bà O thanh toán ½ số vàng mà hai bên thỏa thuận tại hợp đồng theo yêu cầu nêu trong đơn phản tố, đây là sự tự nguyện của bị đơn, được sơ thẩm chấp nhận là phù hợp pháp luật.

[10] Theo Đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tham gia tố tụng ngày 11-7-2005 do bị vô hiệu và giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu. Bản án sơ thẩm đã nhận định và giải quyết các yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời cũng đã giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn tranh chấp đối với việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng nhưng phần quyết định chưa thể hiện rõ ràng đầy đủ nên cần chỉnh sửa bổ sung. Bản án sơ thẩm tuyên về nghĩa vụ của người phải thi hành án phải chịu lãi đối với khoản tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn là không đúng với quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm, cần sửa lại là theo mức lãi suất cơ bản cho đúng với quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005.

Từ nhận định trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát là không phù hợp với các chứng cứ của vụ án. Việc đề nghị miễn án phí cho bị đơn cũng là không có cơ sở, vì ông Nguyên là người coa tuổi nhưng hoàn toàn không xin miễn án phí, theo quy định tại Điều 13 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 305; Điều 518, Điều 519, khoản 1 Điều 524; Điều 581 Bộ Luật dân sự 2005;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 61/2012/DSST ngày 22/3/2012 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim O:

- Buộc ông Nguyễn Thái N hoàn trả 21.925.000 đồng tiền tạm ứng cho bà Nguyễn Thị Kim O.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Kim O có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Thái N chậm thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng ông Nguyễn Thái N còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Đình chỉ việc xét xử đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Nguyễn Thị Kim O.

2/ Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim O về hủy Hợp đồng tham gia tố tụng ngày 11-7-2005 do bị vô hiệu và buộc ông Nguyễn Thái N hoàn trả 14 lượng vàng SJC.

3/ Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Thái N:

Buộc bà Nguyễn Thị Kim O phải thanh toán 33,4 lượng vàng SJC cho ông Nguyễn Thái N, trong đó khấu trừ 14 lượng vàng SJC đã đưa, bà Oanh còn phải thanh toán phần còn lại là 19,4 lượng vàng SJC (quy ra tiền theo trung bình cộng giữa giá mua và giá bán của ngân hàng nhà nước tại thời điểm thanh toán).

4/ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Kim O phải chịu 73.475.000 đồng (Bảy mươi ba triệu, bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng là 13.161.600 đồng, theo biên lai số AD/2010/00250 ngày 16/3/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

- Ông Nguyễn Thái N phải chịu 1.096.250 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng là 3.387.500 đồng, theo biên lai số AD/2010/00372 ngày 22/4/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

Án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim O số tiền tạm ứng đã nộp là 200.000 đồng (Biên lai thu số AA/2010/09356 ngày 05/4/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Phú Nhuận;
- THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng (T.20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hồng Giảng